

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản giảm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

IDC, PC1

## [Cập nhật công ty]

AST

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập trong các nhận định trước

10/8/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,256.50	-0.19
VN30	1,277.15	-0.33
HĐTL VN30F1M	1,270.60	-0.17
HNXIndex	303.54	+0.71
HNX30	559.12	+0.83
UPCoM	93.11	+0.27
USD/VND	23,387	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.59	+1
Lãi suất qua đêm (%)	3.91	+1
Dầu (WTI, \$)	89.81	-0.76
Vàng (LME, \$)	1,789.20	-0.28



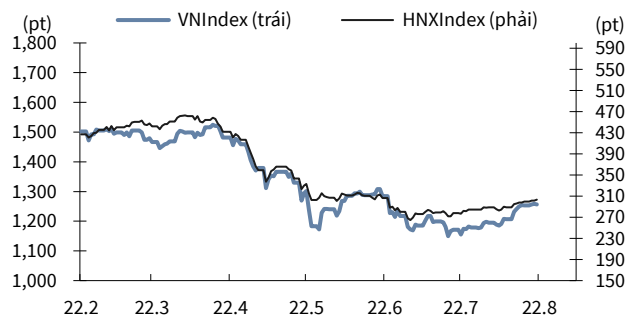
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,256.50 (-0.19%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>651.8 (+5.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>615.4 (-9.9%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>303.54 (+0.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>101.8 (+3.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>77.1 (+10.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>93.11 (+0.27%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>42.7 (-13.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>30.0 (-3.8%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+2.0</b>

TTCK Việt Nam biến động giằng co và giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản giảm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán. Khối ngoại mua ròng ở FUESSVFL (0.6%), FUEVFVND (0%), HDB (-0.4%). Thị trường giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á sau khi Trung Quốc công bố dữ liệu lạm phát tháng 7 lên 2.7%, mức tăng cao nhất kể từ tháng 7/2020.

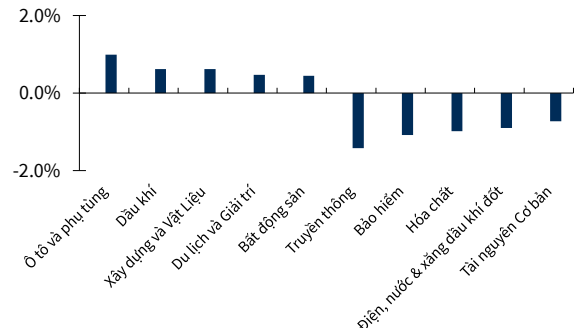
Theo VASEP, sản xuất tôm trong nước và nhu cầu tôm thế giới được dự báo là không khả quan trong 6 tháng cuối năm; nguồn cung tôm của các nước sản xuất tăng mạnh, lượng nhập khẩu của các thị trường chính như Mỹ, EU tăng trong nửa đầu năm sẽ dẫn đến lượng tồn kho tăng và nhu cầu chững lại trong nửa cuối năm khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá ở FMC (-1%), MPC (-0.2%). Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã hạ dự báo sản lượng dầu thô Mỹ xuống trung bình 11.86 triệu thùng/ngày trong cả năm 2022 và 12.70 triệu thùng/ngày trong 2023 tác động tiêu cực đến cổ phiếu dầu khí ở BSR (-0.4%), PLX (-0.4%).

**VNIndex & HNXIndex**



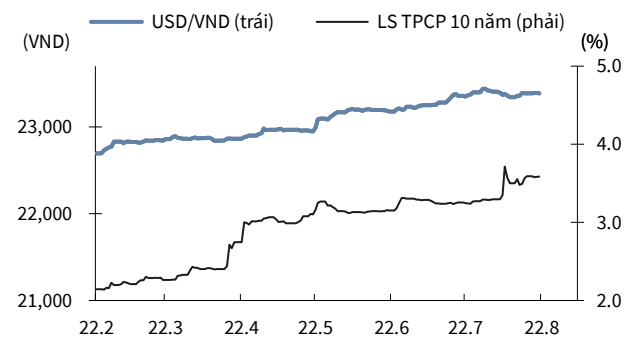
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

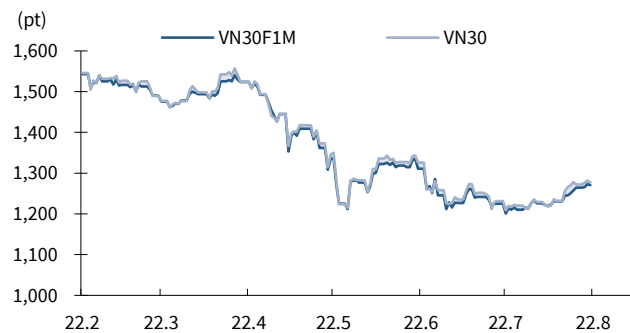
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,277.15 (-0.33%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,270.6 (-0.17%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,271.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,273.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,268.6</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2208 và thị trường cơ sở mở cửa ở mức thấp nhất ngày -10.4 điểm sau đó biến động duy trì trong biên độ âm quanh mức -10 và -5.9 điểm trước khi đóng cửa ở mức -6.5 điểm. Thanh khoản thị trường giảm mạnh trong phiên hôm nay.

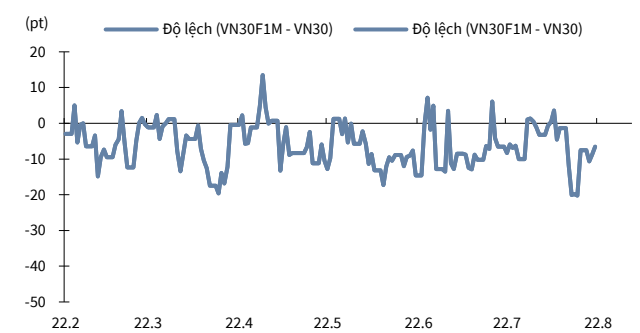
**KLGD (HĐ)**      **139,466 (-29.0%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



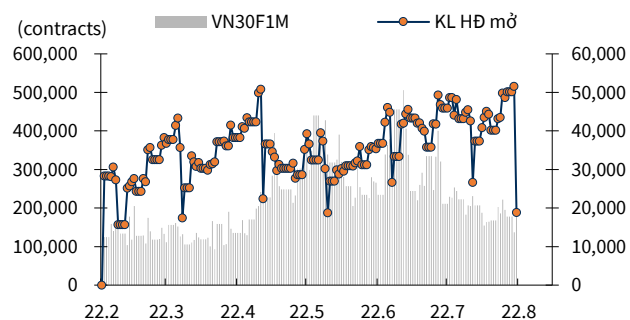
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



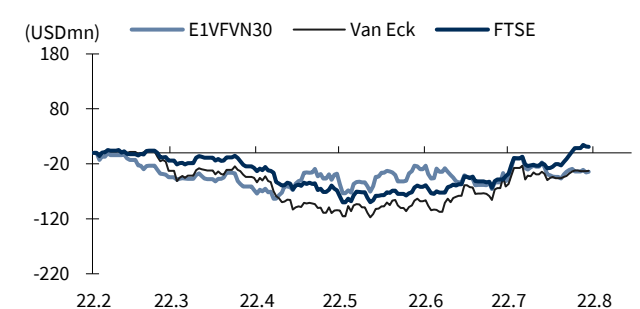
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

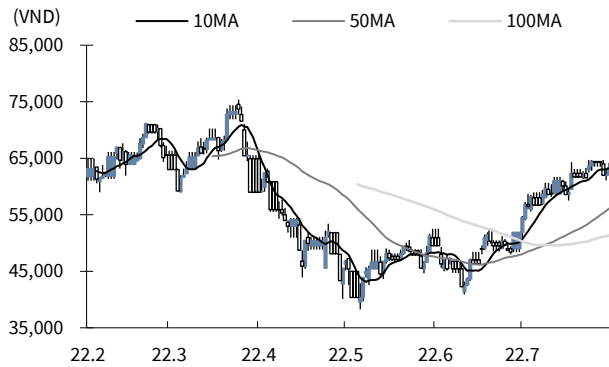
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng công ty IDICO - CTCP (IDC)

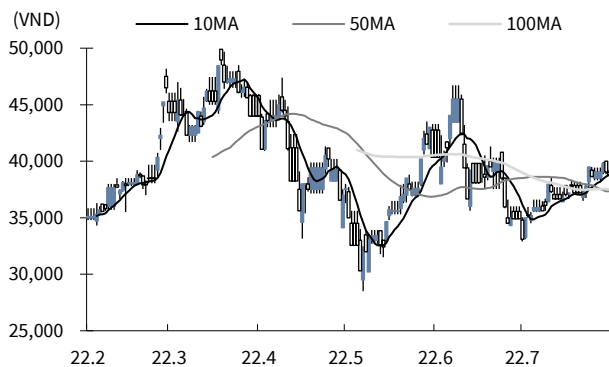


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- IDC tăng 2.09% lên 63,900 VND/cp

- Tổng công ty Idico thông qua triển khai tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2022 cho cổ đông tỷ lệ 20%, ngày 22/8 là ngày đăng ký cuối cùng và ngày thanh toán là ngày 6/9. Trước đó, Idico phát hành gần 30 triệu cổ phiếu trả cổ tức 2021 để nâng số lượng cổ phiếu sau phát hành lên 330 triệu đơn vị, do vậy, doanh nghiệp dự chi khoảng 660 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt này.

## CTCP Tập đoàn PC1 (PC1)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PC1 giảm 0.64% xuống 38,800 VND/cp

- Xây lắp điện 1 hoàn tất phát hành 9,000 trái phiếu có kỳ hạn 5 năm với tổng giá trị 900 tỷ đồng, lãi suất đối với 2 kỳ đầu tiên 10%/năm, sau đó là lãi suất tham chiếu +3,5%. Trái phiếu được đảm bảo từ cổ phiếu của tổ chức phát hành thuộc sở hữu của bên thứ 3.

10/08/2022

 Chuyên viên phân tích Trần Thị Phương Anh  
 anhttp@kbsec.com.vn

**2Q2022, AST ghi nhận lợi nhuận dương trở lại sau 2 năm bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh với biên gộp hồi phục lại mức trước dịch**

AST công bố KQKD 2Q2022 với lợi nhuận đạt 13.7 tỷ đồng (tăng so với mức âm 32.3 tỷ đồng cùng kỳ), doanh thu đạt 134.6 tỷ đồng, gấp 2.67 lần so với Q2/2021 và biên lợi nhuận đạt 53.4% tương ứng với mức trước dịch. Tính đến hết 7T/2022, doanh nghiệp đã bù đắp được khoản lỗ lũy kế từ đầu năm

**Lượng khách hàng không đã hồi phục mạnh mẽ kể từ 2Q2022**

Lượng khách hàng không đã hồi phục mạnh về mức trước dịch mặc dù thị trường quốc tế hồi phục chậm hơn nhưng cũng có dấu hiệu dần khởi sắc. 2H 2022, chúng tôi cho rằng doanh thu từ cả khu vực nhà ga nội địa và quốc tế sẽ tiếp tục có sự hồi phục tích cực

**Kể từ đầu năm 2022, AST đã tăng thêm 10 cửa hàng nâng tổng số điểm kinh doanh AST lên 115 điểm**

Đầu tháng 7, AST đã mua lại 51% cổ phần của CTCP Dịch vụ Hà Linh và vừa đấu thầu thành công 4 điểm kinh doanh mới tại sân bay Tân Sơn Nhất, nâng tổng số điểm kinh doanh AST lên 115 điểm

**AST hiện mở trở lại 80% các điểm kinh doanh và dự kiến hoạt động toàn bộ điểm kinh doanh vào khoảng Quý 4/2022**

AST hiện đã mở trở lại 80% các điểm kinh doanh, trong đó, các cửa hàng khu vực quốc nội đã mở lại hoàn toàn trong khi khu vực quốc tế đã mở trở lại 60%. Công ty kế hoạch sẽ mở cửa trở lại dần dần các quầy còn lại và dự kiến hoạt động toàn bộ điểm kinh doanh vào khoảng Quý 4/2022.

**Khuyến nghị NĂM GIỮ với AST, giá mục tiêu 67,900VND/CP**

Năm 2022, dự kiến lợi nhuận đạt 24.1 tỷ đồng, tăng so với mức -118 tỷ đồng năm 2021 và doanh thu 617.4 tỷ đồng (+300% YoY). Khuyến nghị NĂM GIỮ với AST, giá mục tiêu 67,900VND/CP

## NĂM GIỮ

### Giá mục tiêu

Tăng/giảm (%)	14.1%
Giá hiện tại (09/08/2022)	VND 59,500
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	2,677

### Dữ liệu giao dịch

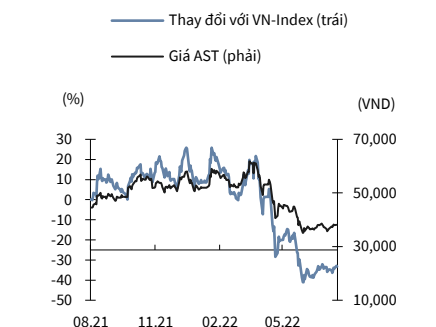
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20.8
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	1.4/0.1
Sở hữu nước ngoài (%)	42.7
Cổ đông lớn nhất	CTCP Tập đoàn Taseco 51.0%

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6	-19	-26	-15
Tương đối	6	-19	-37	-41

### Dự phóng KQKD & định giá

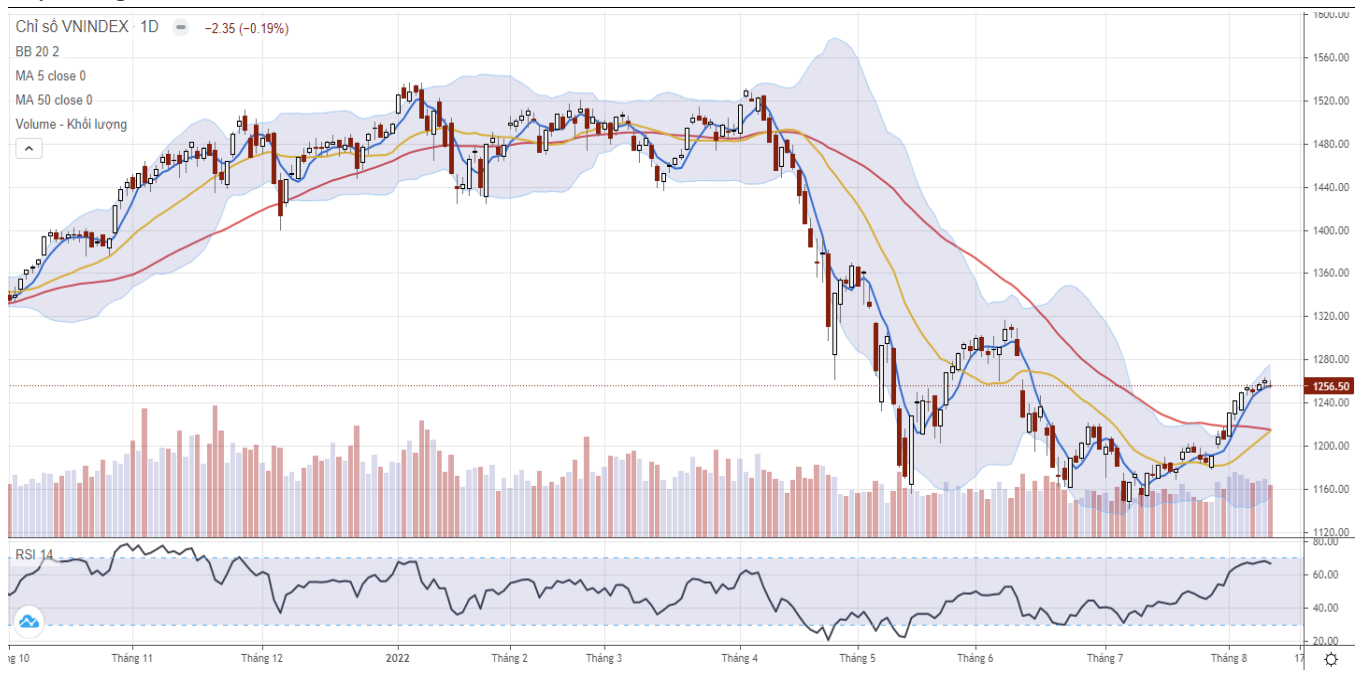
FY-end	2020A	2021A	2022A	2023A
Doanh số thuần (tỷ VND)	359.5	154.1	617.4	1086.8
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	-55.0	-122.6	20.8	177.6
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ (tỷ VND)	-49.0	-118.0	24.1	159.5
EPS (VNĐ)	-1089.2	-2623.3	535.7	3543.7
Tăng trưởng EPS (%)	N/A	N/A	N/A	561.4
P/E (x)	N/A	N/A	111.1	16.8
P/B (x)	5.0	6.5	6.1	4.5
ROE (%)	N/A	N/A	5.5	26.8
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	0.0	0.0	0.0	0.0



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

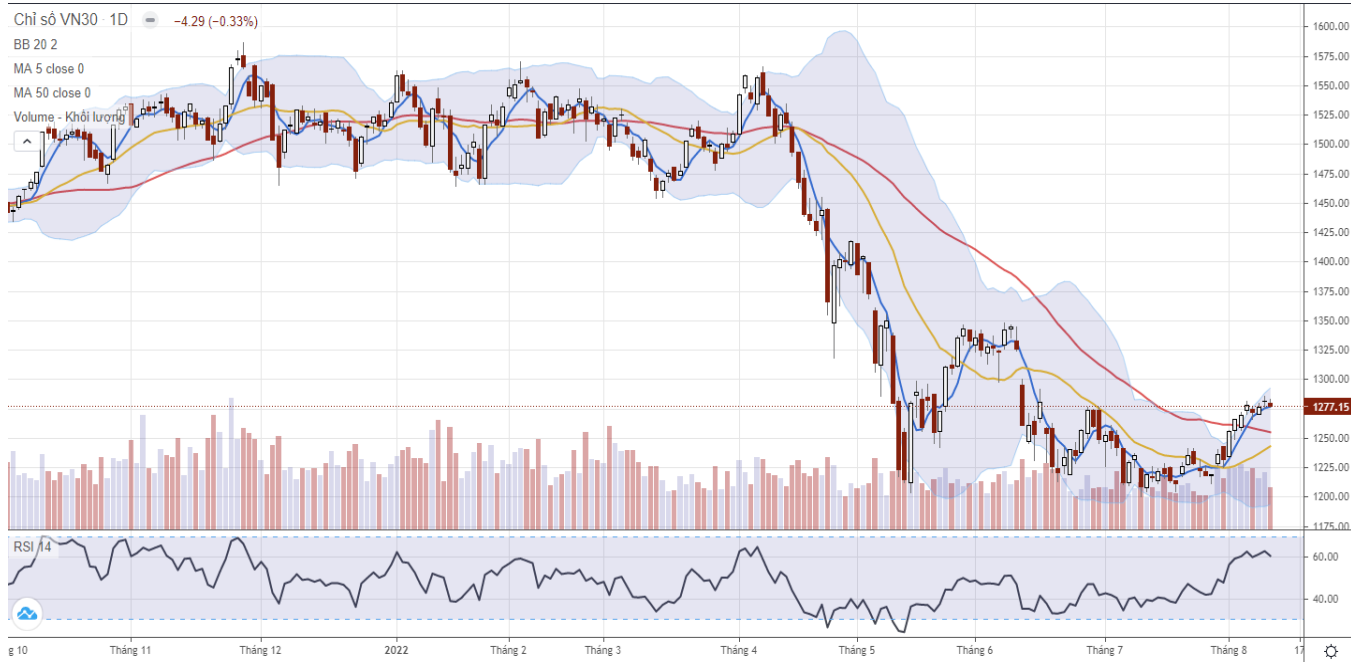
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



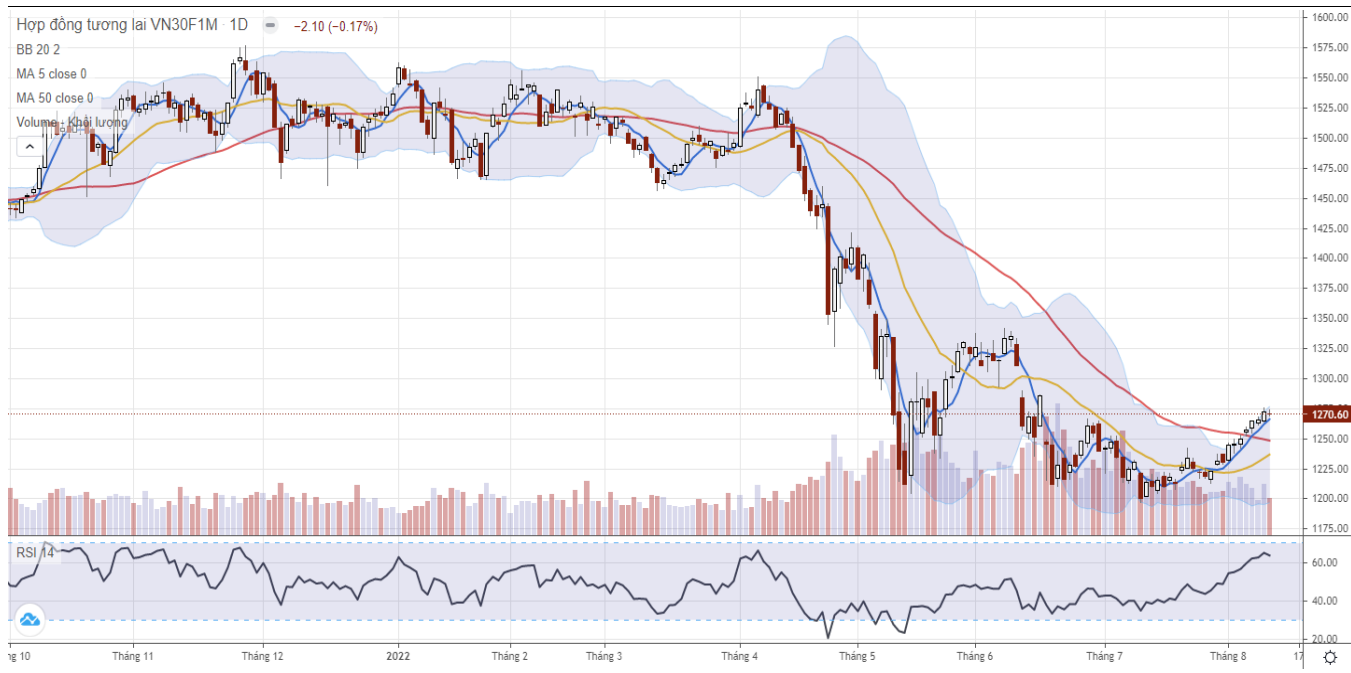
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen về cuối phiên.
- Sự hình thành của mẫu nến spinning trung tính cùng thanh khoản sụt giảm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước ngày công bố số liệu lạm phát của Mỹ. Mặc dù khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang để ngỏ, nhưng cơ hội hồi phục sau đó của VNIndex tại vùng hỗ trợ gần 1240 vẫn được chúng tôi đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập trong các nhận định trước.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1282 - 1286

Kháng cự gần: 1276 - 1279

Hỗ trợ gần: 1262 - 1265

Hỗ trợ xa: 1251 - 1254

- F1 tăng điểm tích cực trong phiên trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Sự hình thành của mẫu nến spinning trung tính cho thấy tương quan cung cầu đang tạm thời cân bằng và không cung cấp nhiều tín hiệu về mặt xu hướng. Mặc dù khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang để ngỏ, nhưng cơ hội hồi phục sau đó của F1 tại vùng hỗ trợ gần 125x vẫn được chúng tôi đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các ngưỡng kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở và chỉ chốt lời từng phần tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

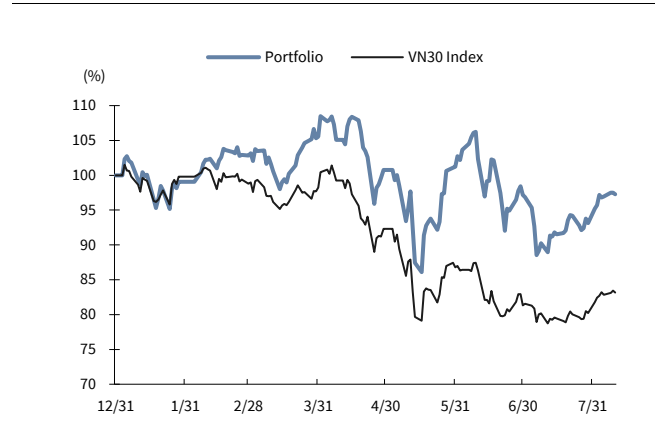
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.33%	-0.25%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.84%	-2.74%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	63,600	0.5%	64.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	25,000	0.4%	-12.3%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,500	-0.2%	52.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	185,000	0.5%	-3.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,600	0.2%	172.6%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,000	-0.2%	254.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,450	-1.2%	50.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	110,900	-1.0%	51.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,800	-1.2%	113.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,800	-0.3%	267.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUESSVFL	0.6%	96.4%	34.0
FUEVFNVD	0.0%	95.4%	26.3
HDB	-0.4%	17.2%	26.3
PVD	5.9%	4.6%	11.8
FTS	-0.1%	19.3%	10.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.7%	54.7%	-96.4
DPM	-2.5%	15.8%	-11.0
LHG	5.6%	16.5%	12.9
VND	-1.6%	18.4%	-2.6
HNG	1.8%	2.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.1%	2.1%	13.4
TNG	-1.1%	4.7%	2.3
THD	-0.7%	1.2%	0.6
PVI	1.8%	58.5%	0.5
VIG	-1.1%	0.4%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.3%	3.1%	-4.6
NVB	0.0%	12.1%	-1.7
PGS	-0.7%	0.0%	-0.6
VNR	1.6%	27.1%	-0.5
PVS	2.9%	8.7%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	4.6%	PVD, PLX
Dịch vụ tài chính	4.1%	SSI, VND
Bán lẻ	3.3%	MWG, FRT
Ô tô và phụ tùng	2.6%	SVC, TCH
Công nghệ thông tin	1.7%	FPT, SAM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-2.4%	MSN, SAB
Truyền thông	-0.9%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-0.7%	BVH, PGI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.2%	GAS, VSH
Y tế	-0.2%	IMP, OPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	19.0%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	16.4%	VGC, VCG
Hóa chất	13.3%	GVR, DCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8%	GAS, POW
Dầu khí	9.8%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	1.6%	MWG, SBV
Y tế	3.4%	TRA, DBD
Du lịch và Giải trí	3.9%	VJC, HOT
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.0%	GDT, NHT
Công nghệ thông tin	5.6%	ST8, SGT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	77,320 (3.3)	22.5	270.0	104.7	14.7	8.4	2.3	2.4	2.4	-0.8	-1.8	-7.4	-31.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	140,728 (6.0)	26.6	8.6	7.2	35.9	21.6	21.6	1.8	1.5	0.7	-1.0	0.5	-25.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	40,248 (1.7)	17.8	28.0	18.3	-7.6	8.1	10.3	2.0	1.9	-0.5	-2.2	5.2	-5.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	154,556 (6.6)	31.3	29.7	23.5	6.7	15.1	16.4	4.1	3.5	-0.1	9.2	12.7	-8.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,687 (1.3)	11.6	20.5	16.7	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	1.0	-0.5	7.5	-16.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	235,120 (10.1)	13.9	15.0	14.8	-	13.5	11.6	1.7	1.7	3.7	3.7	31.8	-20.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	79,491 (3.4)	6.3	14.2	11.8	11.7	21.3	21.8	2.7	2.3	-0.4	1.3	8.8	2.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	64,138 (2.7)	12.7	14.6	11.6	-5.3	15.5	17.2	2.0	1.7	-0.6	-2.3	9.7	3.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	164,481 (7.0)	0.0	6.3	5.4	14.3	20.7	19.8	1.2	1.0	-0.9	1.7	3.3	-22.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	119,327 (5.1)	1.4	7.5	6.2	50.3	18.1	20.5	1.2	1.1	-1.2	-2.2	9.8	-16.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	320,062 (13.7)	0.0	7.3	6.9	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	-0.5	3.8	5.2	-15.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	200,957 (8.6)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.7	22.7	1.4	1.1	-0.5	1.1	8.6	-5.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	39,907 (1.7)	4.2	7.0	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	-0.4	0.8	5.7	-18.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	342,341 (14.6)	14.0	12.5	11.3	26.5	11.3	14.9	1.2	1.1	-1.4	-2.2	10.7	-21.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	55,702 (2.4)	0.0	10.2	5.9	37.4	22.3	22.4	1.4	1.1	-1.0	1.1	4.4	-31.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,614 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	-0.7	-2.6	-3.7	-11.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	71,177 (3.0)	21.0	18.0	14.8	15.8	9.0	11.9	1.8	1.7	-1.4	-1.5	5.3	2.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,543 (0.3)	14.2	14.6	11.8	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	0.3	2.6	7.4	-31.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	449,858 (19.2)	55.4	8.9	8.3	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	-1.0	4.2	20.3	-49.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	199,699 (8.5)	71.9	10.4	10.0	-4.0	24.7	20.6	2.2	1.9	1.1	8.4	28.6	-34.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	206,556 (8.8)	52.4	9.7	9.4	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	1.1	1.9	12.3	-40.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	457,101 (19.5)	27.2	9.5	8.1	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	-1.6	5.0	21.0	-33.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	124,021 (5.3)	42.1	16.8	15.5	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	0.7	-1.2	-0.7	-16.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,022 (1.1)	36.9	27.3	22.8	7.3	20.0	21.3	5.0	4.4	1.0	-4.2	17.3	20.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	80,508 (3.4)	16.5	24.7	19.7	-51.9	17.4	19.2	3.9	3.3	0.6	-3.8	0.9	-25.8
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	100,431 (4.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.8	0.3	33.8	-43.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	64,525 (2.8)	11.0	52.3	18.4	-88.5	8.9	21.6	-	-	-0.8	-1.3	-1.9	-2.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	56,481 (2.4)	10.8	19.0	15.4	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.0	-0.8	-1.5	9.0	9.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	108,512 (4.6)	38.4	7.9	38.4	65.7	14.1	2.6	1.0	1.1	6.9	6.9	24.6	-51.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	19,138 (0.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	4.8	-	-	-80.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	214,362 (9.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.4	1.9	23.4	-40.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,433 (2.2)	3.6	62.5	16.9	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	-0.8	1.4	4.3	-42.2
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	81,538 (3.5)	0.0	12.2	11.0	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	0.2	-0.7	4.8	34.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	64,318 (2.7)	46.1	15.2	15.2	-17.5	24.4	22.6	3.6	3.3	-1.0	-1.0	16.0	15.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	32,672 (1.4)	31.4	12.5	11.4	-10.5	15.5	15.4	1.7	1.7	0.0	0.0	14.9	1.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,105 (0.0)	34.1	21.4	9.5	-5.1	5.9	12.5	-	-	-1.9	0.3	2.0	-26.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	616,010 (26.3)	18.0	5.3	5.2	21.9	27.7	22.0	1.2	1.0	-1.2	0.2	6.0	-33.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	134,273 (5.7)	36.5	4.6	7.5	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	-2.5	-1.8	2.4	-5.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	116,722 (5.0)	46.5	6.1	8.8	-4.5	35.7	20.6	1.8	1.6	-2.9	-0.2	12.9	-11.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	156,191 (6.7)	38.9	4.3	5.0	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	1.7	6.9	14.8	-44.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	65,804 (2.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.0	2.0	15.0	-35.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	33,170 (1.4)	4.6	19.6	16.0	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	-0.4	2.6	6.6	-22.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	105,880 (4.5)	39.9	82.4	17.6	-11.9	0.9	4.4	0.8	0.7	5.9	16.2	33.4	-16.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	38,100 (1.6)	35.9	8.3	7.5	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	0.2	2.9	11.3	-12.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	187,986 (8.0)	0.0	15.4	12.9	14.4	25.7	25.8	3.1	2.5	0.5	2.9	-2.2	-6.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,124 (2.7)	0.0	17.4	14.1	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	-0.2	0.4	0.4	21.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,479 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	-1.0	2.3	-4.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	112,242 (4.8)	30.3	16.9	14.6	-75.2	30.0	27.0	4.5	3.5	-1.9	8.4	-0.6	17.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,021 (1.7)	34.6	9.5	12.2	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	0.7	-0.7	8.8	-2.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	855 (0.0)	45.4	14.5	13.4	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	0.5	1.0	5.5	-17.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	136,426 (5.8)	0.0	18.0	14.8	15.5	26.8	28.3	4.5	3.9	-0.2	1.4	2.9	11.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng  
huynd@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.